

Bản án số: 07/2025/HNGĐ-ST

Ngày 07-8-2025

V/v: Ly hôn

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC A – VĨNH LONG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Bà Kim Thị Hồng Nga

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Hoàng Sĩ Thạo

2. Ông Nguyễn Trần Đông

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Trần Minh Trung, là Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực A – Vĩnh Long.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực A – Vĩnh Long tham gia phiên tòa:** Ông Kim Mau - Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 8 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực A – Vĩnh Long xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 145/2025/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 02 năm 2025 về việc: Ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 13/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 11 tháng 7 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên toà số: 09/2025/QĐST-HNGĐ ngày 28 tháng 7 năm 2025, giữa các đương sự:

**- Nguyên đơn:** Bà Lâm Thị Thu A, sinh năm 1981. Địa chỉ: ấp X, xã L, huyện D, tỉnh Trà Vinh (nay là ấp X, xã L, tỉnh Vĩnh Long). Đề nghị xét xử vắng mặt.

**- Bị đơn:** Ông Lư Văn S, sinh 1981. Địa chỉ: ấp B, xã Đ, huyện D, tỉnh Trà Vinh (nay là ấp B, xã Đ, tỉnh Vĩnh Long). Vắng mặt không lý do

**- Con chung:** Chị Lư Thị Trang Đ, sinh năm 2003.

**NỘI DUNG VỤ ÁN**

*Tại đơn khởi kiện ngày 03/02/2025 nguyên đơn bà Lâm Thị Thu A trình bày yêu cầu:*

Về hôn nhân, bà và ông Lư Văn S quen biết nhau và tự nguyện tiến tới hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân xã Đ, huyện D, tỉnh Trà Vinh (nay là Ủy ban nhân dân xã Đ, tỉnh Vĩnh Long) vào năm 2001. Sau kết hôn hai người sinh sống tại ấp B, xã Đ, thời gian đầu hạnh phúc, nhưng về sau phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân do bất đồng quan điểm, không hợp trong cách sống và đã ly thân từ tháng 6/2024 đến nay nên bà yêu cầu ly hôn.

Về con chung, bà và ông Lư Văn S có con chung tên Lư Thị Trang Đ sinh ngày 04/7/2003 đã trưởng thành nên bà không yêu cầu nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung, không có nên không yêu cầu.

*Tại các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và đơn đề nghị xét xử vắng mặt bà Lâm Thị Thu A cho rằng:*

Bà vẫn giữ yêu cầu ly hôn nguyên nhân do từ khi kết hôn về sống chung gia đình ông S bà không được có quyền cùng tham gia, bàn bạc bất kỳ chuyện lớn nhỏ trong nhà, một mình ông S tự quyết định hết, thời gian sống chung bà vô cùng bị áp lực và không hạnh phúc nên khoảng từ tháng 5, tháng 6 năm 2024 bà và ông S không sống chung nên bà không muốn đoàn tụ.

Con chung Lư Thị Trang Đ sinh ngày 04/7/2003 đã thành niên và có khả năng lao động nên về nuôi con và cấp dưỡng cho con bà không yêu cầu.

Tài sản chung, nợ chung đều không có nên bà không yêu cầu gì khác.

*Bị đơn ông Lư Văn S vắng mặt nên không có lời trình bày và yêu cầu.*

*Phát biểu của Kiểm sát viên:*

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán về việc giải quyết vụ án từ khi thụ lý vụ án đến thời điểm xét xử và việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký tại phiên tòa sơ thẩm đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Tuy nhiên, về thời hạn chuẩn bị xét xử chưa đảm bảo quy định tại Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2025. Đối với nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt do bận đi làm ăn xa nên có căn cứ chấp nhận. Bị đơn đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt không có lý do là chưa chấp hành theo quy định.

Về việc giải quyết vụ án: Theo đơn khởi kiện, cùng các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án nhận thấy, bà Lâm Thị Thu A và ông Lư Văn S tự nguyện tiến tới hôn nhân có đăng ký kết hôn tại UBND xã Đ, huyện D, tỉnh Trà Vinh (nay UBND xã Đ, tỉnh Vĩnh Long).

Sau khi kết hôn họ sinh sống tại ấp B, xã Đ. Thời gian đầu hạnh phúc, đến tháng 5/2024 thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà Thu A yêu cầu ly hôn. Về con chung Lư Thị Trang Đ, sinh năm 2003 đã trưởng thành và lập gia đình ở riêng nên bà Thu A không yêu cầu giải quyết. Về tài sản chung và nợ chung không có nên không yêu cầu giải quyết.

Vì các lẽ trên, đề nghị Hội đồng xét xử:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2025; Điều 9, 51, 53, 56, 57 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Về hôn nhân: Chấp nhận cho bà Lâm Thị Thu A được ly hôn với ông Lư Văn S. Về tài sản chung, nợ chung: Không có nên không yêu cầu xem xét giải quyết. Về án phí: Buộc bà Lâm Thị Thu A nộp án phí hôn nhân và gia đình theo quy định pháp luật.

Những yêu cầu, kiến nghị đề nghị cần khắc phục: Kiến nghị khắc phục thời hạn chuẩn bị xét xử vụ án đúng quy định tại Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2025 sửa đổi, bổ sung năm 2025.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN**

[1] Bà Lâm Thị Thu A khởi kiện ông Lư Văn S có nơi cư trú tại ấp B, xã Đ, huyện D, tỉnh Trà Vinh (nay là ấp B, xã Đ, tỉnh Vĩnh Long), nội dung yêu cầu ly hôn. Nhận thấy, căn cứ vào khoản 1 điều 28, điểm a khoản 1 điều 35 và điểm a khoản 1 điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2025, Tòa án nhân dân huyện Duyên Hải, tỉnh Trà Vinh (nay là Tòa án nhân dân Khu vực A – Vĩnh Long) thụ lý, giải quyết vụ án, cũng như xác định quan hệ pháp luật tranh chấp và xác định tư cách đương sự là đúng quy định.

[2] Sự vắng mặt của nguyên đơn bà Lâm Thị Thu A là có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Đối với bị đơn ông Lư Văn S là vắng mặt không lý do. Nhận thấy, ông Lư Văn S đã được triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa đến lần thứ hai mà vắng mặt, không có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan, căn cứ vào điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2025, vẫn tiến hành xét xử vắng mặt tất cả người tham gia tố tụng.

[3] Tại đơn khởi kiện và các lời khai của đương sự cho thấy, bà Lâm Thị Thu A và ông Lư Văn S kết hôn với nhau và có đăng ký kết hôn, được thể hiện tại trích lục kết hôn số 372/2024/TLKH-BS ngày 06/12/2024 tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện D, tỉnh Trà Vinh (nay là Ủy ban nhân dân xã Đ, tỉnh Vĩnh Long, bút lục 04) nên hôn nhân của họ là hợp pháp.

[4] Bà Lâm Thị Thu A cho rằng do vợ chồng xảy ra mâu thuẫn không thể hàn gắn nên yêu cầu ly hôn. Trước khi đưa vụ án ra xét xử, Tòa án đã có thông báo hoà giải nhằm tạo điều kiện để vợ chồng đoàn tụ, mà ông Lư Văn S vắng mặt, Tòa án có động viên, giải thích, đồng thời thuyết phục bà Thu A hàn gắn tình nghĩa vợ chồng mà không thành, bà Thu A kiên quyết giữ yêu cầu ly hôn, Đối với ông Lư Văn S không có văn bản phản đối hoặc đưa ra ý kiến hay yêu cầu của mình trong vụ án, tại thời điểm xét xử hai người không còn sống chung và bà Thu A không yêu cầu đoàn tụ, điều này thể hiện mục đích hôn nhân không đạt được, căn cứ vào Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 có cơ sở chấp nhận cho bà Thu A và ông S ly hôn.

[5] Đối với chị Lư Thị Trang Đ. Qua giấy khai sinh thể hiện chị Đ sinh năm 2003 là đã thành niên. Nhận thấy, do chị Đ đã thành niên và có khả năng lao động, bà Thu A và ông S cũng không có tranh chấp về nuôi con và cấp dưỡng cho con nên không xem xét, giải quyết.

[6] Quyền, nghĩa vụ đối với tài sản chung, đương sự khai xác nhận không có, không ai yêu cầu chia hoặc tranh chấp gì khác nên không giải quyết.

[7] Quan điểm phát biểu của Kiểm sát viên cho rằng, vụ án chưa đảm bảo về thời hạn chuẩn bị xét xử quy định tại Điều 203 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2025. Nhận thấy, phát biểu của Kiểm sát viên là đúng nên Thẩm phán cần nghiêm túc rút nghiệm và khắc phục triệt để. Đối với phát biểu đề nghị việc giải quyết vụ án là có cơ sở, phù hợp với các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên có căn cứ chấp nhận.

[8] Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn theo khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 238 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2025;

Căn cứ vào các Điều 51, 56, 57 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Áp dụng điểm a khoản 5 điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lâm Thị Thu A.

**1.** Về hôn nhân: Cho bà Lâm Thị Thu A ly hôn với ông Lư Văn S

**2.** Về quyền, nghĩa vụ đối với con chung: Chị Lư Thị Trang Đ sinh năm 04/7/2003 đã thành niên và có khả năng lao động, bà Lâm Thị Thu A và ông Lư Văn S không yêu cầu tranh chấp nên không xem xét, giải quyết.

**3.** Về quyền, nghĩa vụ tài sản chung: Đương sự không yêu cầu chia hoặc tranh chấp khi ly hôn nên không giải quyết.

**4.** Về án phí:

Buộc bà Lâm Thị Thu A chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn 300.000 đồng và được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng, theo biên lai thu tiền số: 001557 ngày 03/02/2025 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Duyên Hải, tỉnh Trà Vinh (nay là Phòng Thi hành án dân sự Khu vực A – Vĩnh Long) nên không phải nộp tiếp.

Ông Lư Văn S không phải chịu án phí.

**6.** Về quyền kháng cáo: Đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc ngày niêm yết bản án hợp lệ.

*Trường hợp bản án, quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án; quyền, nghĩa vụ của người được thi hành án, người phải thi hành án, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan; tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.*

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Vĩnh Long;
- VKSND Khu vực A – Vĩnh Long;
- THADS tỉnh Vĩnh Long;
- UBND xã nơi ĐKKH;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Kim Thị Hồng Nga**